

TỈNH ỦY BẮC GIANG
BAN CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN
QUY CHẾ DÂN CHỦ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Bắc Giang, ngày tháng 3 năm 2022

*

Số -CV/BCĐ

V/v ban hành các quy chế mẫu

Kính gửi: - Ban Chỉ đạo QCDC các huyện, thành ủy,
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố,

Thực hiện Chỉ thị số 09-CT/TU ngày 10/8/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục đẩy mạnh, nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, Ban Chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ tỉnh ban hành các quy chế mẫu về thực hiện dân chủ trong hoạt động của UBND xã, phường, thị trấn, gồm:

1. Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của UBND xã, phường, thị trấn theo Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11 và trong công tác thu hồi đất; bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

2. Quy chế thực hiện dân chủ trong nội bộ cơ quan UBND xã, phường, thị trấn.

Đề nghị UBND các huyện, thành phố chỉ đạo UBND cấp xã căn cứ Quy chế mẫu để sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của địa phương, cơ quan, đơn vị mình, xong trong tháng **3/2022**./.

Nơi nhận:

- Như trên,
- Ban Dân vận Trung ương
- Thường trực Tỉnh ủy,
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Dân vận Tỉnh ủy;
- Thành viên BCĐ, Tổ giúp việc,
- VP UBND tỉnh:
 - + LĐVP, TH;
 - + Lưu: VT, NC.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

**PHÓ CHỦ TỊCH TT UBND TỈNH
Mai Sơn**

Số: /QC- UBND
MẤU

....., ngày.....tháng.....năm.....

QUY CHẾ

**thực hiện dân chủ trong hoạt động của UBND xã, phường, thị trấn
theo Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11 và trong công tác thu hồi đất;
bồi thường, hỗ trợ, tái định cư**

Căn cứ Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11 ngày 20/4/2007 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN ngày 17/4/2008 của Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn thi hành các Điều 11, Điều 14, Điều 16, Điều 22, Điều 26 của Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Chỉ thị số 09-CT/TU ngày 10/8/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục đẩy mạnh, nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở;

Căn cứ Quyết định số 01/2017/QĐ-UBND ngày 16/01/2017 của UBND tỉnh về ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong công tác thu hồi đất; bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Phần thứ nhất

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

- Những nội dung công khai để nhân dân biết.
- Những nội dung nhân dân bàn và quyết định.
- Những nội dung nhân dân tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định.
- Những nội dung nhân dân giám sát.

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện

- Bảo đảm trật tự, kỷ cương, trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.
- Bảo đảm quyền của nhân dân được biết, tham gia ý kiến, quyết định, thực hiện và giám sát việc thực hiện dân chủ ở cấp xã.
- Bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân
- Công khai, minh bạch trong quá trình thực hiện dân chủ ở cấp xã.

- Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước.

Điều 3. Các hành vi bị nghiêm cấm

1. Trù dập người kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo có liên quan đến việc thực hiện dân chủ ở cấp xã.

2. Bao che, cản trở hoặc thiếu trách nhiệm trong việc giải quyết kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo có liên quan đến việc thực hiện dân chủ ở cấp xã.

3. Lợi dụng việc thực hiện dân chủ ở cấp xã để xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội; xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

Phần thứ hai

NỘI DUNG THỰC HIỆN DÂN CHỦ TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA UBND XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN

MỤC I. CÔNG KHAI

Điều 4. Những nội dung công khai

1. Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phương án chuyển dịch cơ cấu kinh tế và dự toán, quyết toán ngân sách hàng năm của cấp xã.

2. Dự án, công trình đầu tư và thứ tự ưu tiên, tiến độ thực hiện, phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, tái định cư liên quan đến dự án, công trình trên địa bàn cấp xã; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chi tiết và phương án điều chỉnh, quy hoạch khu dân cư trên địa bàn cấp xã.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ, công chức cấp xã trực tiếp giải quyết các công việc của nhân dân.

4. Việc quản lý và sử dụng các loại quỹ, khoản đầu tư, tài trợ theo chương trình, dự án đối với cấp xã; các khoản huy động nhân dân đóng góp.

5. Chủ trương, kế hoạch vay vốn cho nhân dân để phát triển sản xuất, xoá đói, giảm nghèo; phương thức và kết quả bình xét hộ nghèo được vay vốn phát triển sản xuất, trợ cấp xã hội, xây dựng nhà tình thương, cấp thẻ bảo hiểm y tế.

6. Đề án thành lập mới, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới hành chính liên quan trực tiếp tới cấp xã.

7. Kết quả thanh tra, kiểm tra, giải quyết các vụ việc tiêu cực, tham nhũng của cán bộ, công chức cấp xã, của cán bộ thôn, tổ dân phố; kết quả lấy phiếu tín nhiệm Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch và Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

8. Nội dung và kết quả tiếp thu ý kiến của nhân dân đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của cấp xã mà chính quyền cấp xã đưa ra lấy ý kiến nhân dân:

- Dự thảo kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cấp xã; phương án chuyển đổi cơ cấu kinh tế, cơ cấu sản xuất; đề án định canh, định cư, vùng kinh tế mới và

phương án phát triển ngành nghề của cấp xã.

- Dự thảo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chi tiết và phương án điều chỉnh; việc quản lý, sử dụng quỹ đất của cấp xã.

- Dự thảo kế hoạch triển khai các chương trình, dự án trên địa bàn cấp xã; chủ trương, phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, xây dựng cơ sở hạ tầng, tái định cư; phương án quy hoạch khu dân cư.

- Dự thảo đề án thành lập mới, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới hành chính liên quan trực tiếp đến cấp xã.

- Những nội dung khác cần phải lấy ý kiến nhân dân theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc chính quyền cấp xã thấy cần thiết.

9. Đối tượng, mức thu các loại phí, lệ phí và nghĩa vụ tài chính khác do chính quyền cấp xã trực tiếp thu.

10. Các quy định của pháp luật về thủ tục hành chính, giải quyết các công việc liên quan đến nhân dân do chính quyền cấp xã trực tiếp thực hiện.

11. Những nội dung khác theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc chính quyền cấp xã thấy cần thiết.

Điều 5. Hình thức công khai

1. Công khai bằng hình thức niêm yết và đăng tải trên trang tin điện tử của UBND cấp xã

a) Niêm yết thường xuyên tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả:

- Quy chế thực hiện dân chủ ở cấp xã.

- Nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn trực tiếp giải quyết các công việc của nhân dân.

- Các quy định của pháp luật về thủ tục hành chính, giải quyết các công việc liên quan đến nhân dân do chính quyền xã, phường, thị trấn trực tiếp thực hiện.

b) Niêm yết tối thiểu 30 ngày liên tục

- Dự án, công trình đầu tư và thứ tự ưu tiên, tiến độ thực hiện; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chi tiết và phương án điều chỉnh, quy hoạch khu dân cư trên địa bàn.

- Đối tượng, mức thu các loại phí, lệ phí và nghĩa vụ tài chính khác do chính quyền xã, phường, thị trấn trực tiếp thu.

c) Thời điểm niêm yết

- Chậm nhất là 2 ngày kể từ ngày văn bản được thông qua, ký ban hành đối với những việc thuộc thẩm quyền quyết định của chính quyền xã, phường, thị trấn.

- Kể từ ngày nhận được văn bản đối với những việc thuộc thẩm quyền quyết định của cơ quan Nhà nước cấp trên.

d) Địa điểm niêm yết

- Tại trụ sở HĐND - UBND cấp xã.
- Nhà văn hóa thôn, tổ dân phố.
- Điểm sinh hoạt cộng đồng.

2. Công khai trên hệ thống truyền thanh và thông qua trường thôn, bản, tổ dân phố để thông báo đến nhân dân; đăng tải trên trang tin điện tử của UBND cấp xã

a) Nội dung công khai

- Việc quản lý và sử dụng các loại quỹ, khoản đầu tư, tài trợ theo chương trình, dự án; các khoản huy động nhân dân đóng góp.

- Chủ trương, kế hoạch vay vốn cho nhân dân để phát triển sản xuất, xoá đói, giảm nghèo; phương thức và kết quả bình xét hộ nghèo được vay vốn phát triển sản xuất, trợ cấp xã hội, xây dựng nhà tình thương; cấp thẻ BHYT.

- Dự thảo đề án thành lập mới, nhập, chia tách đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới hành chính liên quan trực tiếp tới xã, phường, thị trấn (nếu có).

- Kết quả thanh tra, kiểm tra, giải quyết các vụ việc tiêu cực, tham nhũng của cán bộ, công chức, của cán bộ thôn, bản, tổ dân phố (nếu có); kết quả lấy phiếu tín nhiệm chủ tịch và phó chủ tịch HĐND; chủ tịch và phó chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn.

- Nội dung và kết quả tiếp thu ý kiến của nhân dân đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của xã, phường, thị trấn mà chính quyền xã, phường, thị trấn đưa ra lấy ý kiến nhân dân theo quy định.

- Những nội dung khác cần phải lấy ý kiến nhân dân theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc chính quyền cấp xã thấy cần thiết.

b) Thời gian công khai

- Thời điểm công khai:

+ Chậm nhất là 2 ngày kể từ ngày văn bản được thông qua, ký ban hành đối với những việc thuộc thẩm quyền quyết định của chính quyền xã, phường, thị trấn

+ Kể từ ngày nhận được văn bản đối với những việc thuộc thẩm quyền quyết định của cơ quan Nhà nước cấp trên.

- Thời gian công khai trên hệ thống truyền thanh cấp xã: 03 ngày liên tục, vào buổi sáng và chiều tối.

3. Đối với đối tượng là người khuyết tật, người dân tộc thiểu số, người sinh sống ở khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, ngoài các hình thức công khai nêu trên, chủ tịch UBND cấp xã quyết định bổ sung hình thức công khai phù hợp với khả năng, điều kiện tiếp cận thông tin của đối tượng.

4. Trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung công khai

- a) UBND cấp xã ban hành kế hoạch công khai của từng năm vào tháng 01.
- b) Chủ tịch UBND cấp xã chịu trách nhiệm triển khai kế hoạch công khai.
- c) UBND cấp xã báo cáo kết quả công khai hằng năm tại kỳ họp HĐND gần nhất.

MỤC II. NHÂN DÂN BÀN VÀ QUYẾT ĐỊNH

Điều 6. Nhân dân bàn và quyết định trực tiếp

1. Nội dung nhân dân bàn và quyết định trực tiếp

- Chủ trương và mức đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình phúc lợi công cộng trong phạm vi cấp xã, thôn, tổ dân phố do nhân dân đóng góp toàn bộ hoặc một phần kinh phí.

- Các công việc khác trong nội bộ cộng đồng dân cư phù hợp với quy định của pháp luật (*địa phương cụ thể hóa các nội dung công việc ở cộng đồng dân cư nhân dân bàn và quyết định trực tiếp*).

2. Hình thức nhân dân bàn và quyết định trực tiếp

- Tổ chức cuộc họp cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình theo địa bàn từng thôn, tổ dân phố hoặc địa bàn khu dân cư.

- Phát phiếu lấy ý kiến tới cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình.

3. Thẩm quyền lựa chọn hình thức để nhân dân bàn và quyết định trực tiếp

- Các công việc trong phạm vi thôn, bản, tổ dân phố: Trưởng thôn, bản, tổ dân phố thống nhất với trưởng ban công tác mặt trận quyết định.

- Các công việc trong phạm vi cấp xã: Chủ tịch UBND cấp xã thống nhất với Chủ tịch Ủy ban MTTQ cùng cấp quyết định lựa chọn.

4. Giá trị thi hành đối với những việc nhân dân bàn và quyết định trực tiếp

- Nếu có trên 50% tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, bản, tổ dân phố hoặc trong toàn xã, phường, thị trấn tán thành thì có giá trị thi hành

- Nhân dân có trách nhiệm tham gia và quyết định các công việc của thôn, bản, tổ dân phố và của địa phương theo quy định của pháp luật; chấp hành và thực hiện các quyết định đã có giá trị thi hành.

5. Trách nhiệm giải trình, vận động nhân dân

HĐND, UBND cấp xã phối hợp với khối dân vận, tổ dân vận, mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể tuyên truyền, vận động, thuyết phục những cử tri, hộ gia đình chưa tán thành chấp hành và thực hiện các quyết định đã có giá trị thi hành.

Điều 7. Nhân dân bàn, biểu quyết để cấp có thẩm quyền quyết định

1. Những nội dung nhân dân bàn, biểu quyết

- Quy ước thôn, bản, tổ dân phố.

- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trưởng thôn, bản, tổ trưởng tổ dân phố.

- Bầu, bãi nhiệm thành viên ban thanh tra nhân dân, ban giám sát đầu tư cộng đồng.

2. Hình thức nhân dân bàn, biểu quyết

- Tổ chức cuộc họp cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình theo địa bàn từng thôn, tổ dân phố;

- Phát phiếu lấy ý kiến tới cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình.

3. Giá trị thi hành và công nhận đối với những việc nhân dân biểu quyết

- Việc công nhận quy ước của thôn, bản, tổ dân phố, nếu có trên 50% tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, bản, tổ dân phố tán thành, có giá trị thi hành sau khi UBND huyện, thành phố ra quyết định công nhận.

- Việc bầu, bãi nhiệm thành viên ban thanh tra nhân dân, ban giám sát đầu tư của cộng đồng, nếu có trên 50% tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình tán thành thì có giá trị thi hành sau khi được Ủy ban mặt trận Tổ quốc cấp xã công nhận.

Điều 8. Nghị quyết của cộng đồng dân cư

1. Quyết định của Nhân dân tại cộng đồng dân cư được ban hành dưới hình thức văn bản là Nghị quyết của cộng đồng dân cư.

2. Nghị quyết của cộng đồng dân cư gồm các nội dung sau:

a. Thời gian Nhân dân bàn và quyết định.

b. Thành phần biểu quyết.

c. Hình thức biểu quyết.

d. Kết quả biểu quyết.

đ. Nội dung Nghị quyết của cộng đồng dân cư.

e. Chữ ký của trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố, trưởng ban công tác mặt trận thôn, tổ dân phố và đại diện cử tri.

MỤC III. NHÂN DÂN THAM GIA Ý KIẾN

Điều 9. Nhân dân tham gia ý kiến

1. Nội dung nhân dân tham gia ý kiến

- Dự thảo kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cấp xã; phương án chuyển đổi cơ cấu kinh tế, cơ cấu sản xuất; đề án định canh, định cư, vùng kinh tế mới và phương án phát triển ngành nghề của cấp xã.

- Dự thảo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chi tiết và phương án điều chỉnh; việc quản lý, sử dụng quỹ đất của cấp xã.

- Dự thảo kế hoạch triển khai các chương trình, dự án trên địa bàn cấp xã; chủ trương, phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, xây dựng cơ sở hạ tầng, tái định cư; phương án quy hoạch khu dân cư.

- Dự thảo đề án thành lập mới, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới hành chính liên quan trực tiếp đến cấp xã.

- Những nội dung khác cần phải lấy ý kiến nhân dân theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc chính quyền cấp xã thấy cần thiết.

2. Hình thức để nhân dân tham gia ý kiến

- Họp cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình theo địa bàn từng thôn, tổ dân phố
- Phát phiếu lấy ý kiến cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình.
- Thông qua hòm thư góp ý.

3. Trách nhiệm thực hiện

- UBND cấp xã có trách nhiệm lập, thông qua kế hoạch để lấy ý kiến nhân dân; phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể cùng cấp tổ chức thực hiện kế hoạch đã được thông qua.

- Chủ tịch UBND cấp xã chịu trách nhiệm chỉ đạo việc tổ chức lấy ý kiến, tổng hợp ý kiến của cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình.

- UBND cấp xã báo cáo HĐND cùng cấp về quá trình và kết quả thực hiện các nội dung đưa ra lấy ý kiến nhân dân tại kỳ họp gần nhất của HĐND.

4. Trách nhiệm giải trình, vận động nhân dân

- Chủ tịch UBND cấp xã nghiên cứu tiếp thu ý kiến và thông báo với nhân dân về tiếp thu ý kiến của cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình.

- HĐND, UBND cấp xã quyết định các nội dung khác với ý kiến của đa số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình, thì phải nêu rõ lý do và chịu trách nhiệm về quyết định của mình; phối hợp với khối dân vận, tổ dân vận, mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể tuyên truyền, vận động, thuyết phục những cử tri, hộ gia đình chưa tán thành chấp hành và thực hiện các quyết định đã có giá trị thi hành.

MỤC IV. NHÂN DÂN GIÁM SÁT, KIỂM TRA

Điều 10. Những nội dung nhân dân giám sát, kiểm tra

1. Những nội dung công khai.
2. Nội dung nhân dân bàn và quyết định trực tiếp.
3. Những nội dung nhân dân bàn, biểu quyết.
4. Những nội dung nhân dân tham gia ý kiến.

Điều 11. Hình thức để nhân dân giám sát, kiểm tra

1. Nhân dân thực hiện việc giám sát thông qua hoạt động của ban thanh tra nhân dân, ban giám sát đầu tư của cộng đồng.

2. Nhân dân trực tiếp thực hiện việc giám sát thông qua quyền kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền hoặc kiến nghị

thông qua Ủy ban mặt trận Tổ quốc, các tổ chức thành viên của Mặt trận cấp xã, ban thanh tra nhân dân, ban giám sát đầu tư của cộng đồng.

Điều 12. Trách nhiệm thực hiện: Trong phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, cơ quan tổ chức, cá nhân có trách nhiệm sau đây:

1. Cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin, tài liệu cần thiết cho Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng;

2. Xem xét, giải quyết và trả lời kịp thời các kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo của công dân, kiến nghị của Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng, của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận cấp xã hoặc báo cáo với cơ quan có thẩm quyền về những vấn đề không thuộc thẩm quyền giải quyết của mình;

3. Xử lý người có hành vi cản trở hoạt động của Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng hoặc người có hành vi trả thù, trù dập công dân kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật.

Phần thứ ba

THỰC HIỆN DÂN CHỦ TRONG CÔNG TÁC THU HỒI ĐẤT; BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ

MỤC I. CÔNG KHAI

Điều 13. Những nội dung công khai

Gồm 9 nội dung công khai, theo Điều 4. Quyết định số 01/2017/QĐ-UBND ngày 16/01/2017 của UBND tỉnh về ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong công tác thu hồi đất; bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Điều 14. Hình thức công khai: Thực hiện bắt buộc đối với các hình thức công khai dưới đây:

1. Tổ chức hội nghị phổ biến, giải thích, tuyên truyền (có thể lồng ghép với Hội nghị triển khai thông báo và kế hoạch thu hồi đất)

a) Nội dung phổ biến: các quy định về thu hồi đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng.

b) Thành phần mời dự:

- Người có đất Nhà nước thu hồi.
- Đại diện tổ dân vận và trưởng thôn, bản, tổ dân phố nơi có đất Nhà nước thu hồi.
- Đại diện khối dân vận cấp xã.
- Các thành phần khác có liên quan (Chủ đầu tư, tổ chức làm nhiệm vụ giải

phóng mặt bằng, đại diện mặt trận Tổ quốc).

c) Trách nhiệm thực hiện:

- Chủ tịch UBND cấp xã chịu trách nhiệm tổ chức hội nghị.
- Trưởng thôn, bản, tổ dân phố giúp chủ tịch UBND cấp xã tổ chức các hội nghị về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; tuyên truyền, vận động người sử dụng đất có đất Nhà nước thu hồi.

2. Niêm yết

a) Văn bản niêm yết:

- Những quy định của UBND tỉnh có liên quan đến thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

- Quy hoạch sử dụng đất; Kế hoạch sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Văn bản quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội hoặc Quyết định đầu tư, văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ hoặc danh mục các dự án, công trình được phép thu hồi đất theo quy định tại Khoản 3, Điều 62 Luật Đất đai (trừ trường hợp thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh).

- Thông báo thu hồi đất của cấp có thẩm quyền; Kế hoạch thực hiện thu hồi đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng; giá đất cụ thể và giá bồi thường về tài sản, vật kiến trúc, cây cối hoa màu trên đất khi Nhà nước thu hồi.

- Quy định về tái định cư (đối với những dự án có tái định cư), gồm: quy hoạch, địa điểm, dự kiến đầu tư hạ tầng khu tái định cư, giá thu tiền sử dụng đất.

- Dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, gồm: kết quả kiểm kê đất đai, tài sản gắn liền với đất của người sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi; kết quả xác nhận nguồn gốc sử dụng đất; số nhân khẩu (đối với trường hợp thu hồi đất ở); mức và giá trị bồi thường, hỗ trợ đất, tài sản trên đất; tổng mức bồi thường đối với từng người sử dụng đất.

- Quyết định thu hồi đất; Quyết định kiểm đếm bắt buộc; Quyết định cưỡng chế kiểm đếm bắt buộc; Quyết định cưỡng chế thu hồi đất (nếu có); Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư kèm theo phương án cụ thể, chi tiết.

- Kết quả giải quyết các kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo của nhân dân về thu hồi đất; bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

b) Địa điểm niêm yết: tại trụ sở UBND cấp xã và nhà văn hóa thôn, bản, tổ dân phố; điểm sinh hoạt cộng đồng của khu phố, xóm, làng nơi có đất Nhà nước thu hồi.

c) Thời gian niêm yết: tối thiểu 30 ngày liên tục

d) Thời điểm niêm yết: Chậm nhất là 2 ngày kể từ ngày văn bản được thông qua, ký ban hành đối với những việc thuộc thẩm quyền quyết định của chính quyền xã, phường, thị trấn. Kể từ ngày nhận được văn bản đối với những việc thuộc thẩm

quyền quyết định của cơ quan Nhà nước cấp trên.

đ) Trách nhiệm thực hiện:

- Chủ tịch UBND cấp xã chịu trách nhiệm việc thực hiện niêm yết tại trụ sở UBND cấp xã.

- Trưởng thôn, bản, tổ dân phố chịu trách nhiệm việc thực hiện niêm yết tại nhà văn hóa và điểm sinh hoạt cộng đồng của thôn, bản, tổ dân phố.

3. Thông báo trên các phương tiện truyền thanh của cấp xã, thôn nơi có đất Nhà nước thu hồi

a) Nội dung thông báo: Thông báo thu hồi đất; Kế hoạch thu hồi đất; Thông báo về việc niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; Quyết định thu hồi đất; Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

b) Thời điểm thông báo:

- Chậm nhất là 2 ngày kể từ ngày văn bản được thông qua, ký ban hành đối với những việc thuộc thẩm quyền quyết định của chính quyền xã, phường, thị trấn

- Kể từ ngày nhận được văn bản đối với những việc thuộc thẩm quyền quyết định của cơ quan Nhà nước cấp trên.

c) Thời gian công khai trên hệ thống truyền thanh cấp xã: 03 ngày liên tục.

d) Trách nhiệm thực hiện:

- Chủ tịch UBND cấp xã chịu trách nhiệm thông báo trên các phương tiện truyền thanh của cấp xã.

- Trưởng thôn, bản, tổ dân phố nơi có đất Nhà nước thu hồi chịu trách nhiệm thông báo trên các phương tiện truyền thanh của thôn, bản, tổ dân phố.

4. Thông báo bằng văn bản đến từng người sử dụng đất có đất Nhà nước thu hồi

a) Nội dung thông báo:

- Những quy định của UBND tỉnh có liên quan đến thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

- Thông báo thu hồi đất của cấp có thẩm quyền; Kế hoạch thực hiện thu hồi đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng; giá đất cụ thể và giá bồi thường về tài sản, vật kiến trúc, cây cối hoa màu trên đất khi Nhà nước thu hồi.

- Quy định về tái định cư (đối với những dự án có tái định cư), gồm: quy hoạch, địa điểm, dự kiến đầu tư hạ tầng khu tái định cư, giá thu tiền sử dụng đất.

- Quyết định thu hồi đất; Quyết định kiểm đếm bắt buộc; Quyết định cưỡng chế kiểm đếm bắt buộc; Quyết định cưỡng chế thu hồi đất (nếu có); Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư kèm theo phương án cụ thể, chi tiết.

b) Thời điểm gửi thông báo:

- Chậm nhất là 2 ngày kể từ ngày văn bản được thông qua, ký ban hành đối

với những việc thuộc thẩm quyền quyết định của chính quyền xã, phường, thị trấn

- Kể từ ngày nhận được văn bản đối với những việc thuộc thẩm quyền quyết định của cơ quan Nhà nước cấp trên.

c) Trách nhiệm thực hiện:

- Chủ tịch UBND cấp xã chịu trách nhiệm thông báo bằng văn bản đến từng người sử dụng đất có đất Nhà nước thu hồi.

- Trưởng thôn, bản, tổ dân phố nơi có đất Nhà nước thu hồi giúp chủ tịch UBND cấp xã, tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường giải phóng mặt bằng trao các văn bản đến người sử dụng đất có đất Nhà nước thu hồi.

MỤC II. NHÂN DÂN THAM GIA Ý KIẾN TRƯỚC KHI CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH

Điều 15. Nội dung nhân dân tham gia ý kiến

1. Kết quả kiểm kê đất đai, tài sản hoa màu, vật kiến trúc gắn liền với đất thu hồi; kết quả xác nhận nguồn gốc sử dụng đất, thời điểm sử dụng đất, hình thức sử dụng đất.

2. Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

3. Kế hoạch tái định cư, nguyên tắc, phương thức thực hiện bố trí tái định cư (đối với những dự án có tái định cư).

Điều 16. Hình thức để nhân dân tham gia ý kiến

1. Tham gia trực tiếp tại Hội nghị do UBND cấp xã phối hợp với tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng tổ chức thực hiện.

2. Bằng văn bản hoặc thư tham gia, góp ý gửi trực tiếp đến UBND cấp xã nơi có đất Nhà nước thu hồi.

MỤC III. NHÂN DÂN GIÁM SÁT

Điều 17. Những nội dung nhân dân giám sát

1. Trình tự, thủ tục thực hiện công tác thu hồi đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng.

2. Việc tổ chức công khai, minh bạch, công bằng, đúng quy định trong việc thực hiện tái định cư (nếu dự án có tái định cư).

3. Việc giải quyết của cơ quan có thẩm quyền đối với kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo của nhân dân về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Điều 18. Hình thức giám sát

1. Thông qua ban thanh tra nhân dân; ban giám sát đầu tư của cộng đồng (đối với những trường hợp thực hiện các dự án có phần đóng góp nhân dân).

2. Giám sát trực tiếp trên cơ sở các hồ sơ niêm yết công khai về thu hồi đất; phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Phần thứ tư TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 19. Phối hợp thực hiện

1. Đề nghị Ban Chỉ đạo Quy chế thực hiện dân chủ xã, phường, thị trấn:

a) Tham mưu giúp Đảng ủy lãnh đạo, chỉ đạo khối dân vận, các mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể cấp xã tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này.

b) Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy chế này.

2. Đề nghị khối dân vận, ủy ban mặt trận Tổ quốc xã, phường, thị trấn:

a) Phối hợp tuyên truyền, vận động người dân hiểu và thực hiện các quy định của pháp luật về thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở và Quy chế này.

b) Tập hợp những ý kiến, kiến nghị chính đáng của người dân về xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, kịp thời gửi cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

c) Tham gia giám sát việc thực hiện Quy chế này.

Điều 20. Điều khoản thi hành

1. Cán bộ, công chức cấp xã, các đồng chí trưởng thôn, bản, tổ trưởng tổ dân phố; các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thực hiện quy chế này.

2. Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn xây dựng và triển khai kế hoạch công khai Quy chế này bằng các hình thức niêm yết thường xuyên tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, nhà văn hóa thôn, bản, tổ dân phố; thông báo trên hệ thống truyền thanh cấp xã, thôn 03 ngày liên tục kể từ ngày ký ban hành; các đồng chí trưởng thôn, bản, tổ trưởng tổ dân phố thông báo đến nhân dân được biết và thực hiện.

3. Giao Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn chịu trách nhiệm triển khai, tổ chức thực hiện Quy chế này. Định kỳ hàng năm báo cáo UBND và Ban Chỉ đạo thực hiện quy chế dân chủ cấp xã./.

Nơi nhận:

- Như Điều 20;
- BCĐ QCDC huyện, thành ủy;
- UBND huyện (thành phố);
- Ban dân vận huyện, thành ủy;
- Đảng ủy; BCĐ QCDC xã....
- Lưu: VT.

T/M UBND XÃ
CHỦ TỊCH

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ (PHƯỜNG, THỊ TRẤN).....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: _____
/QC- UBND
MẤU

....., ngày.....tháng.....năm.....

QUY CHẾ
thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan UBND xã, phường, thị trấn
theo Nghị định số 04/2015/NĐ-CP của Chính phủ

Căn cứ Nghị định số 04/2015/NĐ-CP, ngày 09/01/2015 của Chính phủ về thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 01/2016/TT-BNV ngày 13/01/2016 của Bộ Nội vụ về hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09/01/2015 của Chính phủ về thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Chỉ thị số 09-CT/TU ngày 10/8/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục đẩy mạnh, nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở;

Phần thứ nhất
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Dân chủ trong nội bộ cơ quan, đơn vị

- Trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị và của cán bộ, công chức, viên chức trong việc thực hiện dân chủ trong hoạt động nội bộ của cơ quan, đơn vị.

- Những việc phải công khai để cán bộ, công chức, viên chức, người lao động biết.

- Những việc cán bộ, công chức, viên chức tham gia ý kiến, người đứng đầu cơ quan quyết định.

- Những việc cán bộ, công chức, viên chức giám sát, kiểm tra.

2. Dân chủ trong quan hệ và giải quyết công việc với công dân, cơ quan, tổ chức có liên quan

- Trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan đơn vị và của cán bộ, công chức, viên chức trong quan hệ và giải quyết công việc với công dân, cơ quan, tổ chức có liên quan.

- Quan hệ giữa người đứng đầu cơ quan, đơn vị với cơ quan cấp trên và với

cơ quan cấp dưới.

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện

1. Thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan, đơn vị phải gắn liền với việc bảo đảm sự lãnh đạo của tổ chức Đảng ở cơ quan, đơn vị; chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ; phát huy vai trò của người đứng đầu cơ quan, đơn vị và của các tổ chức đoàn thể quần chúng của cơ quan, đơn vị.

2. Dân chủ trong khuôn khổ của Hiến pháp và pháp luật; kiên quyết xử lý những hành vi lợi dụng dân chủ vi phạm pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của cán bộ, công chức, viên chức và quyền làm chủ của nhân dân, cản trở việc thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị.

Điều 3. Các hành vi bị nghiêm cấm

1. Trù dập người kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo có liên quan đến việc thực hiện dân chủ.

2. Bao che, cản trở hoặc thiếu trách nhiệm trong việc giải quyết kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo có liên quan đến việc thực hiện dân chủ.

3. Lợi dụng việc thực hiện dân chủ để xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội; xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

Phần thứ hai

NỘI DUNG THỰC HIỆN DÂN CHỦ TRONG NỘI BỘ CƠ QUAN UBND XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN

MỤC I. CÔNG KHAI

Điều 4. Những nội dung công khai

1. Chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước liên quan đến công việc của UBND xã, phường, thị trấn.

2. Kế hoạch công tác hàng năm, hàng quý, hàng tháng của cơ quan, đơn vị.

3. Kinh phí hoạt động hàng năm, bao gồm các nguồn kinh phí do ngân sách nhà nước cấp và các nguồn tài chính khác; quyết toán kinh phí hàng năm của cơ quan, đơn vị; tài sản, trang thiết bị của cơ quan, đơn vị; kết quả kiểm toán.

4. Tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, điều động, quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử, luân chuyển, biệt phái, từ chức, miễn nhiệm; hợp đồng làm việc, thay đổi chức danh nghề nghiệp, thay đổi vị trí làm việc, chấm dứt hợp đồng làm việc của viên chức; đi công tác nước ngoài, giải quyết chế độ, nâng bậc lương, nâng ngạch, đánh giá, xếp loại công chức, viên chức; khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với cán bộ, công chức, viên chức; các đề án, dự án và việc xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan, đơn vị.

5. Các vụ việc tiêu cực, tham nhũng trong cơ quan, đơn vị đã được kết luận; bản kê khai tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ phải kê khai theo quy định của pháp luật.

6. Kết quả thanh tra, kiểm tra, giải quyết kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo trong nội bộ cơ quan, đơn vị.

7. Các nội quy, quy chế của UBND xã, phường, thị trấn

8. Kết quả tiếp thu ý kiến của cán bộ, công chức, viên chức về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của người đứng đầu cơ quan, đơn vị đưa ra lấy ý kiến cán bộ, công chức, viên chức quy định tại Điều 9 của Nghị định này.

9. Văn bản chỉ đạo, điều hành của cơ quan quản lý cấp trên liên quan đến công việc của cơ quan, đơn vị.

Điều 5. Hình thức và thời gian công khai

1. Hình thức công khai: Căn cứ vào đặc điểm, tính chất hoạt động và nội dung phải công khai, các cơ quan, đơn vị áp dụng một, một số hoặc tất cả các hình thức công khai sau đây:

- a) Niêm yết tại cơ quan, đơn vị;
- b) Thông báo tại hội nghị cán bộ, công chức, viên chức cơ quan, đơn vị;
- c) Thông báo bằng văn bản gửi toàn thể cán bộ, công chức, viên chức;
- d) Thông báo cho người phụ trách các bộ phận của cơ quan, đơn vị và yêu cầu họ thông báo đến cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các bộ phận đó;
- đ) Thông báo bằng văn bản đến cấp ủy trực tiếp, Ban Chấp hành Công đoàn cơ quan, đơn vị;
- e) Đăng trên trang thông tin nội bộ của cơ quan, đơn vị.

2. Thời hạn công khai: chậm nhất là 03 ngày làm việc, trường hợp đặc biệt không quá 05 ngày kể từ ngày văn bản được ban hành hoặc kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan, đơn vị cấp trên, trừ những tài liệu mật theo quy định của pháp luật. Đối với văn bản niêm yết tại trụ sở của cơ quan, đơn vị thì phải thực hiện niêm yết ít nhất 30 ngày liên tục kể từ ngày niêm yết.

3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung công khai

a) Chủ tịch UBND cấp xã quyết định hình thức công khai với từng nội dung công khai; chịu trách nhiệm việc công khai các hoạt động trong nội bộ của UBND xã, phường, thị trấn.

b) Công chức Văn phòng- Thống kê cấp xã giúp chủ tịch UBND triển khai, thực hiện việc công khai.

MỤC II. CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG THAM GIA Ý KIẾN, CHỦ TỊCH UBND CẤP XÃ QUYẾT ĐỊNH

Điều 6. Những việc cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tham gia ý kiến

1. Chủ trương, giải pháp thực hiện nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước liên quan đến công việc của cơ quan, đơn vị.
2. Kế hoạch công tác hàng năm của cơ quan, đơn vị.
3. Tổ chức phong trào thi đua của cơ quan, đơn vị.
4. Báo cáo sơ kết, tổng kết của cơ quan, đơn vị.
5. Các biện pháp cải tiến tổ chức, hoạt động và lề lối làm việc; phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống quan liêu, phiến hà, sách nhiễu nhân dân.
6. Kế hoạch tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; bầu cử, bổ nhiệm cán bộ, công chức, viên chức.
7. Thực hiện các chế độ, chính sách liên quan đến quyền và lợi ích của cán bộ, công chức, viên chức.
8. Các nội quy, quy chế của cơ quan, đơn vị.

Điều 7. Hình thức tham gia ý kiến

Căn cứ đặc điểm, tính chất hoạt động và nội dung tham gia ý kiến, các cơ quan, đơn vị áp dụng một trong ba hình thức tham gia ý kiến sau đây:

1. Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tham gia ý kiến trực tiếp hoặc tham gia ý kiến thông qua người đại diện với người đứng đầu cơ quan, đơn vị.
2. Thông qua hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của cơ quan, đơn vị.
3. Phát phiếu hỏi ý kiến trực tiếp, gửi dự thảo văn bản đề cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tham gia ý kiến.

MỤC III. CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG KIỂM TRA, GIÁM SÁT

Điều 8. Nội dung cán bộ, công chức, viên chức, người lao động kiểm tra, giám sát

1. Thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, kế hoạch công tác hàng năm của cơ quan, đơn vị.
2. Sử dụng kinh phí hoạt động, chấp hành chính sách, chế độ quản lý và sử dụng tài sản của cơ quan, đơn vị.
3. Thực hiện các nội quy, quy chế của cơ quan, đơn vị.
4. Thực hiện các chế độ, chính sách của Nhà nước về quyền và lợi ích của cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan, đơn vị.
5. Giải quyết kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo trong nội bộ cơ quan, đơn vị.

Điều 9. Hình thức để cán bộ, công chức, viên chức, người lao động giám sát, kiểm tra

1. Thông qua hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân của cơ quan, đơn vị.
2. Thông qua kiểm điểm công tác, tự phê bình và phê bình trong các cuộc họp định kỳ của cơ quan, đơn vị.
3. Thông qua hội nghị cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị.

MỤC IV. TỔ CHỨC HỘI NGHỊ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG

Điều 10. Hình thức hội nghị

1. Hội nghị thường kỳ: tổ chức mỗi năm 01 lần, vào đầu năm hoặc cuối năm.
2. Hội nghị bất thường: tổ chức khi có 1/3 cán bộ, công chức, nhân viên, người lao động của xã hoặc ban chấp hành công đoàn yêu cầu hoặc chủ tịch UBND thấy cần thiết. Thời gian chậm nhất 15 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu.

Điều 11. Thành phần hội nghị

1. Thành phần tham dự hội nghị: Cán bộ, công chức cấp xã theo quy định của pháp luật.
2. Chủ trì: Chủ tịch UBND phối hợp với Công đoàn.

Điều 12. Chuẩn bị tổ chức hội nghị

1. Xây dựng các dự thảo văn bản phục vụ hội nghị
 - a) Chủ tịch UBND chịu trách nhiệm chuẩn bị các văn bản: Báo cáo kiểm điểm việc thực hiện các nghị quyết, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của UBND cấp xã; báo cáo kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết hội nghị trước đó và những quy định về thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan, đơn vị; đánh giá, tổng kết và kiểm điểm trách nhiệm của chủ tịch UBND trong việc thực hiện kế hoạch công tác năm.
 - b) Ban chấp hành công đoàn UBND cấp xã chuẩn bị văn bản: Báo cáo tổng kết phong trào thi đua; nội dung xét khen thưởng và dự kiến nội dung phong trào thi đua năm tiếp theo; dự thảo bản giao ước thi đua; báo cáo hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân và chương trình công tác, hoạt động của thanh tra nhân dân năm tiếp theo; dự kiến nhân sự bầu hoặc bầu bổ sung thành viên Ban Thanh tra nhân dân theo quy định của pháp luật (nếu có).
2. Tổ chức lấy ý kiến cán bộ chủ chốt và triệu tập hội nghị
 - a) Nội dung lấy ý kiến: Thời gian tổ chức hội nghị và dự thảo các văn bản phục vụ hội nghị.

b) Thành phần lấy ý kiến là đại diện của cấp tổ chức hội nghị, gồm: Bí thư, phó bí thư đảng ủy, Ban chấp hành công đoàn nếu, Trưởng ban thanh tra nhân dân, Trưởng ban nữ công hoặc cán bộ phụ trách ban nữ công.

Điều 13. Tổ chức hội nghị

1. Đoàn chủ tịch và thư ký hội nghị:

- Đoàn chủ tịch gồm chủ tịch UBND cấp xã và chủ tịch công đoàn cơ quan xã, phường, thị trấn. Tùy theo tính chất, yêu cầu cần thiết mà đoàn chủ tịch có Bí thư đảng ủy.

- Thư ký hội nghị do Đoàn chủ tịch cử và thực hiện nhiệm vụ theo phân công của Đoàn chủ tịch.

2. Nội dung hội nghị theo định kỳ

- Người đứng đầu cơ quan, đơn vị, Chủ tịch công đoàn cơ quan, đơn vị trình bày các văn bản, báo cáo theo sự chuẩn bị.

- Cán bộ, công chức, viên chức dự hội nghị thảo luận các văn bản, báo cáo; đề xuất, kiến nghị (nếu có).

- Chủ tịch UBND, Chủ tịch công đoàn giải đáp thắc mắc, kiến nghị của cán bộ, công chức, viên chức đối với các nội dung thuộc thẩm quyền, bàn các biện pháp cải tiến điều kiện làm việc, nâng cao đời sống của cán bộ, công chức, viên chức xã, phường, thị trấn.

- Trưởng ban Thanh tra nhân dân trình bày báo cáo hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân trong năm và chương trình công tác năm tiếp theo.

- Bầu mới hoặc kiện toàn Ban Thanh tra nhân dân (nếu có).

- Thông qua Quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đơn vị (nếu có).

- Tổ chức khen thưởng cá nhân, tập thể của cơ quan, đơn vị có thành tích trong công tác; phát động phong trào thi đua.

- Ký kết giao ước thi đua giữa chủ tịch UBND, chủ tịch công đoàn cơ quan xã, phường, thị trấn.

- Thông qua nghị quyết hội nghị.

3. Nội dung hội nghị bất thường: Thảo luận, quyết định những vấn đề do tập thể, cá nhân yêu cầu, đề xuất.

4. Kinh phí tổ chức hội nghị được bố trí từ nguồn kinh phí hoạt động thường xuyên của cơ quan UBND xã, phường, thị trấn.

Điều 14. Tổ chức thực hiện nghị quyết hội nghị

1. Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn phối hợp với công đoàn cơ quan xã, phường, thị trấn phổ biến, hướng dẫn, đôn đốc việc thực hiện nghị quyết hội nghị; cử đầu mối để phối hợp, theo dõi, đề xuất xử lý kịp thời những phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện.

2. Định kỳ 6 tháng một lần, Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn phối hợp với công đoàn cơ quan xã, phường, thị trấn tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết hội nghị; thông báo kết quả kiểm tra, đánh giá đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan, đơn vị.

MỤC V. TRÁCH NHIỆM TRONG THỰC HIỆN DÂN CHỦ TRONG NỘI BỘ CƠ QUAN UBND XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN

Điều 15. Trách nhiệm của chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn

1. Thực hiện dân chủ trong quản lý và điều hành hoạt động của cơ quan, đơn vị; trong quản lý, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng, thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức.

2. Tổ chức các cuộc họp giao ban định kỳ, hàng tháng, hàng quý và 6 tháng để đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao và đề ra các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu phải thực hiện trong thời gian tới của cơ quan, đơn vị. Cuối năm, người đứng đầu cơ quan, đơn vị phải tổ chức đánh giá tổng kết hoạt động của cơ quan, đơn vị tại hội nghị cán bộ, công chức, viên chức quy định.

3. Tổ chức đánh giá định kỳ hàng năm đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý theo trình tự, thủ tục quy định hiện hành.

4. Lắng nghe ý kiến phản ánh, phê bình của cán bộ, công chức, viên chức. Khi cán bộ, công chức, viên chức đăng ký được gặp và có nội dung, lý do cụ thể thì bố trí thời gian thích hợp để gặp và trao đổi.

5. Thông báo công khai để cán bộ, công chức, viên chức biết những việc được quy định tại Điều 7, Nghị định 04.

6. Ban hành quy chế quản lý trang thiết bị làm việc trong cơ quan, đơn vị bảo đảm thiết thực, hiệu quả, tiết kiệm; sử dụng tiết kiệm kinh phí được cấp; thực hiện các quy định về công khai tài chính. Việc mua sắm thiết bị, phương tiện và các tài sản của cơ quan, đơn vị phải thực hiện theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn hành vi tham nhũng; xử lý và tạo điều kiện để cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xử lý người có hành vi tham nhũng; nếu thiếu trách nhiệm để xảy ra tham nhũng trong cơ quan, đơn vị thì bị xử lý theo quy định của pháp luật.

8. Chỉ đạo việc cung cấp đầy đủ, kịp thời những thông tin, tài liệu, cách thức tổ chức thực hiện, trách nhiệm thực hiện và trách nhiệm giải trình những nội dung công việc trong cơ quan, đơn vị quy định tại Điều 7, Điều 9 của Nghị định này, trừ những tài liệu mật theo quy định của pháp luật.

9. Xem xét, giải quyết kịp thời theo quy định của pháp luật các kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo của cán bộ, công chức, viên chức và kiến nghị của Ban Thanh tra nhân dân của cơ quan, đơn vị; kịp thời báo cáo với cơ quan có thẩm quyền những vấn đề không thuộc thẩm quyền giải quyết của mình.

10. Kịp thời xử lý người có hành vi cản trở việc thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan, đơn vị và người có hành vi trả thù, trù dập cán bộ, công chức, viên chức kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Trách nhiệm của cán bộ công chức, viên chức

1. Nghiêm chỉnh chấp hành nội quy, quy chế làm việc của UBND xã, phường, thị trấn; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và bảo đảm thông tin chính xác, kịp thời; thực hiện các quy định về nghĩa vụ, đạo đức, văn hóa giao tiếp, quy tắc ứng xử, nguyên tắc trong hoạt động nghề nghiệp và những việc không được làm theo quy định của pháp luật.

2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước người phụ trách trực tiếp và trước người đứng đầu trong cơ quan, đơn vị về việc thi hành nhiệm vụ của mình. Trong khi thi hành công vụ, cán bộ, công chức được trình bày ý kiến, đề xuất việc giải quyết những vấn đề thuộc phạm vi trách nhiệm của mình khác với ý kiến của người phụ trách trực tiếp, nhưng vẫn phải chấp hành sự chỉ đạo và hướng dẫn của người phụ trách trực tiếp, đồng thời có quyền bảo lưu ý kiến và báo cáo lên cấp có thẩm quyền.

3. Thực hiện phê bình và tự phê bình nghiêm túc, phát huy ưu điểm, có giải pháp sửa chữa khuyết điểm; thẳng thắn đóng góp ý kiến để xây dựng nội bộ cơ quan, đơn vị trong sạch, vững mạnh.

4. Đóng góp ý kiến vào việc xây dựng các văn bản, đề án của cơ quan UBND xã, phường, thị trấn khi được yêu cầu.

5. Báo cáo người có thẩm quyền khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động của cơ quan, đơn vị.

Phần thứ ba

THỰC HIỆN DÂN CHỦ TRONG QUAN HỆ VÀ GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC VỚI CÔNG DÂN, CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN

Điều 17. Quan hệ giữa người đứng đầu UBND cấp xã với cơ quan, đơn vị cấp trên

1. Chấp hành quyết định của cấp trên. Khi có căn cứ cho rằng quyết định đó là trái pháp luật thì phải kịp thời báo cáo bằng văn bản với người ra quyết định; trường hợp người ra quyết định vẫn quyết định việc thi hành thì người thi hành phải chấp hành nhưng không chịu trách nhiệm về hậu quả của việc thi hành, đồng thời báo cáo cấp trên trực tiếp của người ra quyết định. Người ra quyết định phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định của mình.

2. Phản ánh những vướng mắc, khó khăn trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình; kiến nghị cơ quan, đơn vị cấp trên những vấn đề không phù hợp, cần sửa đổi, bổ sung trong các chế độ, chính sách, các quy định của pháp luật và trong chỉ đạo, điều hành của cơ quan, đơn vị cấp trên.

3. Tham gia đóng góp ý kiến, phê bình đối với hoạt động của cơ quan, đơn vị

vị cấp trên; có trách nhiệm nghiên cứu, tham gia ý kiến vào các dự thảo về chế độ, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan, đơn vị cấp trên yêu cầu.

4. Báo cáo cơ quan, đơn vị cấp trên tình hình công tác của cơ quan, đơn vị mình theo quy định; đối với những vấn đề vượt quá thẩm quyền giải quyết thì phải kịp thời báo cáo, xin ý kiến chỉ đạo của cơ quan, đơn vị cấp trên. Nội dung báo cáo lên cơ quan, đơn vị cấp trên phải khách quan, trung thực.

Điều 18. Quan hệ giữa người đứng đầu UBND cấp xã với trưởng thôn, bản, tổ dân phố

1. Thông báo cho trưởng thôn, bản, tổ dân phố những chủ trương, chính sách của Đảng và các quy định của pháp luật liên quan đến hoạt động và phạm vi trách nhiệm của trưởng thôn, bản, tổ dân phố; chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra hoạt động của trưởng thôn, bản, tổ dân phố và chịu trách nhiệm về những hành vi vi phạm pháp luật của trưởng thôn, bản, tổ dân phố nếu những hành vi vi phạm này có nguyên nhân từ sự chỉ đạo, hướng dẫn của mình.

2. Nghiên cứu, kịp thời giải quyết các kiến nghị của trưởng thôn, bản, tổ dân phố; định kỳ làm việc với trưởng thôn, bản, tổ dân phố. Khi trưởng thôn, bản, tổ dân phố đăng ký làm việc thì phải trả lời cụ thể việc tiếp và làm việc.

3. Khi cần thiết, phải cử cán bộ, công chức, viên chức đến gặp trưởng thôn, bản, tổ dân phố để trao đổi, nghiên cứu, giải quyết những vấn đề cụ thể của trưởng thôn, bản, tổ dân phố; phải xử lý nghiêm khắc những cán bộ, công chức, viên chức báo cáo, phản ánh sai sự thật, không trung thực.

Điều 19. Trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong quan hệ và giải quyết công việc với công dân, cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan

1. Tổ chức, chỉ đạo và kiểm tra việc niêm yết công khai tại trụ sở làm việc và đăng tải trên trang thông tin điện tử của UBND để công dân, cơ quan, tổ chức biết các nội dung sau:

- Bộ phận chịu trách nhiệm giải quyết công việc có liên quan;
- Thủ tục hành chính giải quyết công việc;
- Mẫu đơn từ, hồ sơ cho từng loại công việc;
- Phí, lệ phí theo quy định;
- Thời gian giải quyết từng loại công việc.

2. Chỉ đạo và kiểm tra cán bộ, công chức, viên chức trong việc giải quyết công việc của công dân, tổ chức; kịp thời có những biện pháp xử lý thích hợp theo quy định của pháp luật đối với những cán bộ, công chức, viên chức không hoàn thành nhiệm vụ, thiếu tinh thần trách nhiệm, sách nhiễu, gây phiền hà, tham nhũng trong việc giải quyết công việc của công dân, tổ chức.

3. Chỉ đạo việc bố trí nơi tiếp dân, thực hiện việc tiếp dân và tổ chức hòm thư góp ý; chỉ đạo người phụ trách công tác hành chính của cơ quan, đơn vị cùng đại diện ban thanh tra nhân dân của cơ quan, đơn vị hàng tuần mở hòm thư góp ý, nghiên cứu và đề xuất giải quyết các ý kiến góp ý được gửi đến, báo cáo người

đứng đầu cơ quan, đơn vị đề ra những biện pháp hợp lý nhằm tiếp thu và giải quyết các ý kiến góp ý.

4. Thông báo đề công dân, tổ chức của địa phương biết và tham gia đóng góp ý kiến đối với những chương trình, dự án trên địa bàn xã, phường, thị trấn.

5. Cử người có trách nhiệm gặp và giải quyết công việc có liên quan khi công dân, tổ chức có yêu cầu theo quy định của pháp luật; những kiến nghị, phản ánh, phê bình của công dân, tổ chức phải được nghiên cứu và xử lý kịp thời.

Điều 20. Trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức

1. Chỉ được tiếp nhận tài liệu và giải quyết công việc của công dân, tổ chức tại trụ sở làm việc của UBND xã, phường, thị trấn; bảo vệ bí mật Nhà nước, bí mật công tác và bí mật thông tin về người tố cáo theo quy định của pháp luật.

2. Khi công dân, tổ chức có yêu cầu, cán bộ, công chức, viên chức có trách nhiệm giải quyết các yêu cầu đó theo thẩm quyền. Những việc không thuộc thẩm quyền giải quyết, cán bộ, công chức, viên chức phải thông báo đề công dân, tổ chức biết và hướng dẫn công dân, tổ chức đến nơi có thẩm quyền giải quyết. Cán bộ, công chức, viên chức không được quan liêu, hách dịch, cửa quyền, tham nhũng, gây khó khăn, phiền hà, sách nhiễu trong giải quyết công việc của công dân, tổ chức.

3. Công việc của công dân, tổ chức phải được cán bộ, công chức, viên chức nghiên cứu xử lý và kịp thời giải quyết theo đúng quy định của pháp luật và nội quy, quy chế của UBND xã, phường, thị trấn.

4. Những công việc đã có thời hạn giải quyết theo quy định thì cán bộ, công chức, viên chức phải chấp hành đúng thời hạn đó. Trường hợp phức tạp đòi hỏi phải có thời gian để nghiên cứu giải quyết thì cán bộ, công chức, viên chức có trách nhiệm báo cáo người phụ trách trực tiếp và kịp thời thông báo cho công dân, tổ chức biết.

Phần thứ tư TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 21. Phối hợp thực hiện

1. Đề nghị Ban Chỉ đạo Quy chế thực hiện dân chủ xã, phường, thị trấn:

a) Tham mưu giúp Đảng ủy lãnh đạo, chỉ đạo các đoàn thể cơ quan xã, phường, thị trấn tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này.

b) Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện định chế này.

2. Đề nghị các đoàn thể cơ quan xã, phường, thị trấn:

a) Phối hợp tuyên truyền, vận động cán bộ, công chức, viên chức, người lao động hiểu và thực hiện các quy định của pháp luật về thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở và Quy chế này.

b) Tập hợp những ý kiến, kiến nghị chính đáng của người dân về xây dựng

và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, kịp thời gửi cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

c) Tham gia giám sát việc thực hiện Quy chế này.

Điều 22. Điều khoản thi hành

1. Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động xã, phường, thị trấn; các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thực hiện quy chế này.

2. Ban chấp hành công đoàn của xã, phường, thị trấn xây dựng và triển khai kế hoạch công khai Quy chế này bằng các hình thức niêm yết và quán triệt tại các hội nghị của cơ quan UBND xã, phường, thị trấn.

3. Giao đồng chí cán bộ văn phòng- thống kê xã, phường, thị trấn chịu trách nhiệm tham mưu cho chủ tịch UBND triển khai, tổ chức thực hiện Quy chế này. Định kỳ hàng năm tham mưu báo cáo đảng ủy và Ban Chỉ đạo thực hiện quy chế dân chủ cấp xã./.

Nơi nhận:

- Như Điều 22;
- BCĐ QCDC huyện, thành ủy;
- UBND huyện (thành phố);
- Ban dân vận huyện, thành ủy;
- Đảng ủy; BCĐ QCDC xã....
- Lưu: VT.

T/M UBND XÃ
CHỦ TỊCH